TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2018/DS-PT
Ngày: 31/8/2018
V/v "Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Ông Hoàng Minh Thịnh

- ***Thư ký phiên tòa*:** Nguyễn Hữu Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:*** Bà Đàm Thị Vang – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29 và 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2018 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 09/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2018/QĐPT ngày 08 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Cao Anh L, sinh năm 1985 (có mặt)

Trú tại: Tổ 3, ấp T, xã Q, huyện H, tỉnh Bình Phước.

* *Bị đơn:* **Công ty TNHH H**

Người đại diện theo pháp luật: Anh Phùng Phú M, sinh năm 1974 – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Đường A, khu phố P, phường B, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Ngọc N, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Q, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

* *Những người làm chứng:*

1/ Anh Ngô Minh T, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, phường T, thị xã M, tỉnh Bình Phước.

2/ Anh Vương Quốc T, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Q, tỉnh Bình Phước.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Anh Cao Anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại tòa thì ngày 10/5/2017 Anh Cao Anh L và Công ty TNHH H (sau đây gọi tắt là Công ty H) có thỏa thuận về việc mua bán củi băm, nội dung thỏa thuận: Anh Cao Anh L đặt cọc cho Công ty H số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để mua củi băm với giá 650.000đ/tấn (sáu trăm năm mươi ngàn đồng/tấn), thời gian mua từ ngày 10/5/2017 đến ngày 30/6/2017, thỏa thuận giữa hai bên chỉ bằng lời nói không lập hợp đồng. Sau khi đóng tiền đặt cọc thì anh L tới nhận củi theo hình thức nhận tới đâu thì trả tiền tới đó, sau khi thực hiện xong hợp đồng thì phía Công ty H phải trả lại tiền cọc. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh L cho xe tới nhận củi và thanh toán tiền đúng theo thỏa thuận. Nhưng tới ngày 24/5/2017 Công ty H không chịu giao củi cho anh L theo thỏa thuận nữa mà yêu cầu tăng giá củi. Anh L đã trao đổi với giám đốc Công ty H nhưng không giải quyết được. Nay anh L yêu cầu Công ty H phải hoàn trả cho anh L số tiền cọc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Ngọc N, đại diện theo ủy quyền của Công ty H trình bày: Công ty H có thỏa thuận mua bán củi băm và nhận tiền cọc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của Anh Cao Anh L như phía nguyên đơn trình bày. Bà N là người được giám đốc Công ty giao cho việc trao đổi và thực hiện hợp đồng với Anh Cao Anh L. Sau khi đặt cọc, anh L cho xe tới Công ty lấy củi theo thỏa thuận, nhưng tới ngày 24/5/2017, anh L đột ngột ngưng lấy củi làm ảnh hưởng tới kế hoạch sản xuất của Công ty, không có việc Công ty yêu cầu tăng giá củi như phía nguyên đơn trình bày. Công ty đã thương lượng với anh L và đưa ra phương án giải quyết là anh L tiếp tục lấy củi để trừ vào tiền đặt cọc, cho đến khi tiền củi bằng với tiền cọc thì hai bên chấm dứt thỏa thuận nhưng anh L không đồng ý. Do anh L tự ý chấm dứt thỏa thuận nên Công ty H không đồng ý trả lại số tiền cọc như anh L yêu cầu.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2018/DSST ngày 09/5/2018, Tòa án nhân dân thị xã Bình Long đã tuyên xử:

Áp dụng các Điều 328, 385 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Cao Anh L về việc buộc Công ty TNHH H hoàn trả 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền cọc.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 23/5/2018, nguyên đơn anh Cao Anh L kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn Công ty TNHH H hoàn trả cho anh L số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Cao Anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo buộc Công ty TNHH H hoàn trả số tiền 50.000.000 đồng, trường hợp Công ty TNHH H đồng ý trả tiền cho anh thì anh L sẵn sàng tạo điều kiện và đồng ý nhận lại 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Anh Cao Anh L, sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc Công ty TNHH H trả cho Anh Cao Anh L số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thẩm vấn công khai các đương sự tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự, Hội đồng xét xử thảo luận nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, cả Anh Cao Anh L và đại diện Công ty TNHH H (gọi tắt Công ty H) đều thừa nhận vào ngày 10/5/2017, anh L và Công ty H thỏa thuận mua bán củi băm, theo đó Công ty H bán củi băm cho anh L trong khoảng thời gian từ ngày 10/5/2017 đến ngày 30/6/2017 với giá 650.000đ/tấn, việc thanh toán theo phương thức nhận hàng tới đâu thanh toán tiền tới đó, việc thỏa thuận chỉ bằng miệng, không lập thành văn bản. Sau khi thỏa thuận, anh L đặt cọc cho Công ty H số tiền 50.000.000 đồng nhằm mục đích để đảm bảo thực hiện hợp đồng, có phiếu thu tiền của Công ty H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh L cho rằng anh L đã cho xe đến lấy củi băm nhiều lần từ ngày 11/5/2017 đến ngày 24/5/2017 và đã thanh toán xong

tiền từng chuyến. Đến ngày 25/5/2017, khi anh L cho xe đến lấy củi băm thì đại diện Công ty H không cho lấy củi mà yêu cầu tăng giá củi, hai bên không thống nhất được nên anh L đề nghị Công ty H hoàn trả lại số tiền đặt cọc 50 triệu đồng nhưng Công ty H không đồng ý mà cho rằng sau khi thỏa thuận mua bán củi, từ ngày 11/5/2017 đến ngày 24/5/2017, anh L có đến lấy củi và thanh toán xong tiền mua bán củi nhiều lần, tuy nhiên đến ngày 25/5/2017, anh L không lấy củi nữa nên làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của Công ty, do anh L tự ý chấm dứt hợp đồng mua bán củi nên Công ty không đồng ý trả lại tiền cọc cho anh L.

Xét lời khai của các đương sự thấy rằng:

Các bên đương sự đều thừa nhận số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng là nhằm mục đích làm tin để thực hiện thỏa thuận mua bán củi băm ngày 10/5/2017 giữa anh L với Công ty H. Sau khi thỏa thuận mua bán củi băm và đặt cọc, từ ngày 11/5/2017 đến ngày 24/5/2017, anh L đã thực hiện hợp đồng thể hiện bằng việc anh L đến Công ty H chở củi và thanh toán tiền đầy đủ bằng nhiều lần nên mục đích của việc đặt cọc đã được các bên thực hiện nên không vi phạm nghĩa vụ đặt cọc. Trong khi đó, thỏa thuận mua bán củi băm giữa hai bên chỉ bằng lời nói, thời gian mua bán là từ ngày 10/5/2017 đến ngày 30/6/2017 với giá 650.000đ/tấn mà không thỏa thuận cụ thể số lượng củi mua bán, thời gian, địa điểm thực hiện việc giao nhận củi; các trường hợp chấm dứt hợp đồng mua bán. Đồng thời thỏa thuận đặt cọc giữa đôi bên cũng không thể hiện nội dung nếu bên nào chấm dứt hợp đồng mua bán trước thời hạn sẽ bị mất cọc hay phạt cọc nên việc ngày 25/5/2017, anh L không tiếp tục đến chở củi không được xem là vi phạm hợp đồng mua bán củi cũng như vi phạm hợp đồng đặt cọc để làm căn cứ buộc anh L phải mất tiền cọc.

Hơn nữa, mặc dù anh L cho rằng từ ngày 25/5/2017 Công ty H không cho anh L chở củi nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Công ty H cho rằng anh L không lấy củi nữa cũng không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy, việc anh L ngừng việc lấy củi nhưng phía Công ty H cũng không có ý kiến hay văn bản thông báo cho anh L về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng, thể hiện Công ty H cũng đã thừa nhận việc chấm dứt hợp đồng mua bán củi.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng anh L có lỗi dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng mua bán củi để làm căn cứ buộc anh L phải chịu mất tiền cọc nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L là chưa khách quan, không đúng quy định pháp luật. Do đó cần sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, buộc Công ty H có trách nhiệm trả lại cho anh L số tiền đặt cọc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) nên kháng cáo của anh L được chấp nhận;

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau: Công ty TNHH H phải chịu (50.000.000đ x 5%) = 2.500.000đ.

Án phí dân sự phúc thẩm anh L không phải chịu.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 308, Điều 309, 313 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Anh Cao Anh L;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 09/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 328, 422, 430, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Cao Anh L;

2. Buộc Công ty TNHH H có nghĩa vụ trả cho Anh Cao Anh L số tiền đặt cọc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí sơ thẩm:

+ Công ty TNHH H phải chịu 2.500.000đ.

+ Anh Cao Anh L không phải chịu. Hoàn trả lại cho anh L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.250.000đ theo biên lai thu số 0003900, quyển số 000078

ngày 28/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

[2] *Án phí dân sự phúc thẩm:* Anh Cao Anh L không phải chịu. Hoàn trả lại cho anh L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004151, quyển số 000084 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thị xã B;
- THA DS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh